

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2018

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành “Quy định về việc học, kiểm tra và chuẩn đầu ra ngoại ngữ trình độ đại học chính quy, liên thông và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp”**

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**

Căn cứ Điều lệ Trường Đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 7586/QĐ-BCT ngày 25 tháng 08 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ Quyết định 618/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTĐ ngày 20/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 688/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo hệ cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 691/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định xây dựng và điều chỉnh chuẩn đầu ra đối với sinh viên hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trường khoa Ngoại ngữ;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành “Quy định về việc học, kiểm tra và chuẩn đầu ra ngoại ngữ trình độ đại học chính quy, liên thông và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp”.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng các đơn vị có liên quan và toàn thể cán bộ, viên chức, sinh viên trong Nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
PHỤ TRÁCH TRƯỞNG**

(đã ký)

**TS. Trần Hoàng Long**

## QUY ĐỊNH

Về việc học, kiểm tra và chuẩn đầu ra ngoại ngữ trình độ đại học chính quy,  
liên thông và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ  
tại trường đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp  
(Ban hành theo Quyết định số 740/QĐ-ĐHKTCTCN ngày 20 tháng 10 năm 2018  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định việc kiểm tra đánh giá, phân loại trình độ Tiếng Anh đầu vào; tổ chức giảng dạy các học phần tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo; điều kiện miễn học, miễn thi và chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên thuộc các ngành, các hệ đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Quy định này áp dụng cho sinh viên hệ cao đẳng, đại học chính quy và liên thông tuyển sinh từ năm 2017 trở về sau của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

#### Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Chuẩn đầu ra ngoại ngữ áp dụng trong quy định này là chuẩn đầu ra tiếng Anh

*Chương trình đào tạo (CTĐT):* Là chương trình mới áp dụng tại Trường từ năm học 2018-2019

*Chuẩn tiếng Anh đầu vào:* là mức điểm tối thiểu (5/10) tương đương cấp độ A1 mà sinh viên cần đạt được để được xếp vào bậc học ngoại ngữ đầu tiên tại Trường

*Chuẩn tiếng Anh đầu ra:* Là chuẩn nhà trường cam kết sinh viên sẽ đạt được khi tốt nghiệp là bậc 3/6 đối với hệ đại học và bậc 2/6 đối với hệ cao đẳng theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

*Thời hạn của các chứng chỉ tiếng Anh:* Thời hạn của các chứng chỉ tiếng Anh quốc gia, quốc tế là 24 tháng kể từ ngày cấp.

## Chương II

### CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH TOÀN KHÓA, YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH ĐẦU VÀO, KHI TỐT NGHIỆP, TỔ CHỨC DẠY TIẾNG ANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

#### Điều 3. Chương trình tiếng Anh toàn khóa

Chương trình tiếng Anh toàn khóa bao gồm:

– Các học phần bắt buộc: 09 tín chỉ đối với hệ cao đẳng, 12 tín chỉ đối với hệ đại học chính quy và 09 tín chỉ đối với hệ đại học liên thông.

– Các học phần không bắt buộc: 07 tín chỉ đối với hệ cao đẳng, 12 tín chỉ đối với hệ đại học chính quy và 08 tín chỉ đối với hệ đại học liên thông.

Chương trình Tiếng Anh toàn khóa dành cho các hệ như sau:

**Bảng 1: Chương trình tiếng Anh toàn khóa (Dành cho hệ Đại học)**

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên giáo trình	Ghi chú
1	Tiếng Anh tăng cường đầu vào	4	<b>LIFE A1</b>	Học phần không bắt buộc, dành cho những sinh viên không đạt (có điểm dưới 5 theo thang điểm 10) trong kỳ kiểm tra đánh giá trình độ tiếng Anh đầu vào.
2	Tiếng Anh cơ bản 1	3	<b>LIFE A1-A2</b>	Học phần bắt buộc. Điều kiện tiên quyết: Đạt từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 trong kỳ kiểm tra đánh giá trình độ tiếng Anh đầu vào.
3	Tiếng Anh cơ bản 2	3	<b>LIFE A1-A2</b>	Học phần bắt buộc. Điều kiện tiên quyết: Đã tham gia học học phần Tiếng Anh cơ bản 1 và đạt điểm tổng kết môn từ 4,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 hoặc Điểm D trở lên theo thang điểm quy ra chữ.
4	Tiếng Anh cơ bản 3	3	<b>LIFE A1-A2</b>	Học phần bắt buộc. Điều kiện tiên quyết: Đã tham gia học học phần Tiếng Anh cơ bản 2 và đạt điểm tổng kết môn từ 4,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 hoặc Điểm D trở lên theo thang điểm quy ra chữ.
5	Tiếng Anh cơ bản 4	3	<b>LIFE A2-B1</b>	Học phần bắt buộc. Điều kiện tiên quyết: Đã tham gia học học phần Tiếng Anh cơ bản 3 và đạt điểm tổng kết môn từ 4,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 hoặc Điểm D trở lên theo thang điểm quy ra chữ.
6	Tiếng Anh tăng cường đầu ra 2	4	<b>LIFE A2-B1</b>	Học phần không bắt buộc, dành cho những sinh viên chưa đạt yêu cầu trong kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ chuẩn đầu ra.

7	Tiếng Anh tăng cường đầu ra 3	4	<b>LIFE A2-B1</b>	Học phần không bắt buộc, dành cho những sinh viên chưa đạt yêu cầu trong kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ chuẩn đầu ra.
---	-------------------------------	---	-------------------	---

**Bảng 2: Chương trình tiếng Anh toàn khóa (Dành cho hệ Đại học liên thông)**

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên giáo trình	Ghi chú
1	Tiếng Anh cơ bản 2	3	<b>LIFE A1-A2</b>	Học phần bắt buộc. Điều kiện tiên quyết: Đã học các học phần Tiếng Anh cơ bản hệ cao đẳng.
2	Tiếng Anh cơ bản 3	3	<b>LIFE A1-A2</b>	Học phần bắt buộc. Điều kiện tiên quyết: Đã tham gia học học phần Tiếng Anh cơ bản 2 và đạt điểm tổng kết môn từ 4,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 hoặc Điểm D trở lên theo thang điểm quy ra chữ.
3	Tiếng Anh cơ bản 4	3	<b>LIFE A2-B1</b>	Học phần bắt buộc. Điều kiện tiên quyết: Đã tham gia học học phần Tiếng Anh cơ bản 3 và đạt điểm tổng kết môn từ 4,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 hoặc Điểm D trở lên theo thang điểm quy ra chữ.
4	Tiếng Anh tăng cường đầu ra 2	4	<b>LIFE A2-B1</b>	Học phần không bắt buộc, dành cho những sinh viên chưa đạt yêu cầu trong kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ chuẩn đầu ra.
5	Tiếng Anh tăng cường đầu ra 3	4	<b>LIFE A2-B1</b>	Học phần không bắt buộc, dành cho những sinh viên chưa đạt yêu cầu trong kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ chuẩn đầu ra.

**Bảng 3: Chương trình tiếng Anh toàn khóa (Dành cho hệ Cao đẳng)**

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên giáo trình	Ghi chú
1	Tiếng Anh tăng cường đầu vào	4	<b>LIFE A1</b>	Học phần không bắt buộc, dành cho những sinh viên không đạt (có điểm dưới 5 điểm, theo thang điểm 10) trong kỳ thi đánh giá trình độ tiếng Anh đầu vào.
2	Tiếng Anh cơ bản 1	3	<b>LIFE A1-A2</b>	Học phần bắt buộc. Điều kiện tiên quyết: Đạt điểm 5 trở lên theo thang điểm 10 trong kỳ thi đánh giá trình độ Tiếng Anh đầu vào.

3	Tiếng Anh cơ bản 2	3	<b>LIFE A1-A2</b>	Học phần bắt buộc. Điều kiện tiên quyết: Đã tham gia học học phần Tiếng Anh cơ bản 1 và đạt điểm tổng kết môn từ 4,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 hoặc Điểm D trở lên theo thang điểm 4 quy ra chữ
4	Tiếng Anh cơ bản 3	3	<b>LIFE A1-A2</b>	Học phần bắt buộc. Điều kiện tiên quyết: Đã tham gia học học phần Tiếng Anh cơ bản 2 và đạt điểm tổng kết môn từ 4,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 hoặc Điểm D trở lên theo thang điểm 4 quy ra chữ
5	Tiếng Anh tăng cường đầu ra 1	3	<b>LIFE A2-B1</b>	Học phần không bắt buộc, dành cho những sinh viên chưa đạt yêu cầu trong kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ chuẩn đầu ra.

#### **Điều 4. Tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào**

1. Sau khi sinh viên nhập học, Nhà trường tổ chức kiểm tra trình độ Tiếng Anh đầu vào đối với sinh viên các hệ, các ngành đào tạo. (Việc tổ chức từng kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào nhà trường sẽ có thông báo riêng)

Nội dung kiểm tra gồm các phần: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, đọc hiểu, đọc điền từ và cấu trúc câu. Bài kiểm tra được thiết kế theo hình thức trắc nghiệm trên máy tính và chấm theo thang điểm 10.

2. Kết quả kiểm tra trình độ tiếng Anh được sử dụng làm căn cứ để Trường phân loại, bố trí lớp học và chương trình học. Cụ thể như sau:

a. Sinh viên có kết quả bài kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào đạt yêu cầu (từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10): Được đăng ký học học phần Tiếng Anh cơ bản 1 theo kế hoạch đào tạo chung của Nhà trường.

b. Sinh viên có kết quả bài kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào chưa đạt yêu cầu (dưới 5 điểm theo thang điểm 10): Cần bổ sung kiến thức bằng cách:

– Tự học nâng cao trình độ và dự kiểm tra lại theo kế hoạch của Nhà trường;

– Đăng ký học thêm học phần “Tiếng Anh tăng cường đầu vào” trên hệ thống phần mềm của nhà trường như các môn học khác và dự kiểm tra lại.

– Đăng ký học nâng cao trình độ tại Trung tâm Ngoại ngữ-Tin học của trường và dự kiểm tra lại.

#### **Điều 5. Xét miễn học, miễn thi và chuyển điểm quy đổi các học phần Tiếng Anh.**

##### **1. Điều kiện xét miễn học, miễn thi và chuyển điểm quy đổi**

Sinh viên thỏa mãn một trong các điều kiện sau đây, khi có đơn đề nghị, sẽ được xem xét miễn học, miễn thi và chuyển điểm quy đổi các học phần tiếng Anh.

a. Có bằng cử nhân chuyên ngành ngôn ngữ Anh.(Được xét miễn học miễn thi tất cả 4 học phần tiếng Anh trong CTĐT và miễn thi chuẩn đầu ra)

b. Có chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đạt kết quả theo quy định còn thời hạn. (Phụ lục 1)

c. Có một trong các Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt số điểm theo quy định và còn thời hạn (Phụ lục 1).

d. Các trường hợp khác do Hiệu trưởng quyết định.

## **2. Thủ tục xét miễn học, miễn thi và chuyển điểm quy đổi**

a. Sinh viên thỏa mãn các điều kiện về miễn học, miễn thi thực hiện các thủ tục sau:

– Nộp đơn theo mẫu (phụ lục 3) kèm theo bản sao có công chứng văn bằng, chứng chỉ Tiếng Anh cho bộ phận giải quyết các thủ tục hành chính. (Khi nộp đơn cần xuất trình bản gốc để kiểm tra, đối chiếu). Thời điểm nộp đơn phải trong khoảng thời gian trước 02 tuần và sau 01 tuần tính từ thời điểm bắt đầu học kỳ mới

– Đăng ký học tập học phần Anh văn như các học phần khác trong học kỳ.

b. Sau thời gian trên, bộ phận giải quyết các thủ tục hành chính gửi cho Trung tâm Khảo thí kiểm tra, xác nhận và tổng hợp danh sách sinh viên được công nhận việc miễn học, miễn thi, trình Hiệu trưởng duyệt và công bố trên Website trường cho sinh viên biết.

c. Trung tâm Khảo thí căn cứ vào Bảng điểm quy đổi (Phụ lục 1) nhập điểm quy đổi tương đương các học phần tiếng Anh cho sinh viên.

## **Điều 6. Kiểm tra và công nhận chuẩn đầu ra (tiếng Anh) khi tốt nghiệp**

1. Nhà trường tổ chức kiểm tra, đánh giá chuẩn đầu ra ngoại ngữ (tiếng Anh) cho sinh viên các hệ, các ngành đào tạo trước khi tốt nghiệp. Đề thi tham khảo Quy định về dạng thức đề thi ngoại ngữ kèm theo quyết định số: 1481/QĐ-BGDĐT ngày 10/05/2016 và Quyết định số: 729/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục đào tạo.(Phụ lục 4.1 & 4.2). Yêu cầu về chuẩn đầu ra tiếng Anh khi tốt nghiệp đối với sinh viên hệ đại học, cao đẳng thực hiện theo các yêu cầu về trình độ của Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Sinh viên được công nhận đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh phải đạt một trong các yêu cầu sau:

a. Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành Tiếng Anh.

b. Có một trong những chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt mức tương đương trình độ bậc 2 (đối với hệ cao đẳng) và bậc 3 (đối với hệ đại học) theo khung tham chiếu châu Âu (Phụ lục 1)

c. Có chứng chỉ chứng nhận năng lực Tiếng Anh đạt mức tương đương trình độ bậc 2 (đối với hệ cao đẳng) và bậc 3 (đối với hệ đại học) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được cấp bởi các cơ sở đào tạo trong danh mục các Trường do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố. (Phụ lục 1)

d. Có kết quả xếp loại Đạt trong kỳ thi đánh giá chuẩn đầu ra tiếng Anh do Nhà trường tổ chức (tương đương bậc 3/6 đối với hệ đại học; 2/6 đối với hệ cao đẳng). Quyết định đạt chuẩn có thời hạn không quá 24 tháng tính từ ngày có quyết định công nhận đến ngày xét tốt nghiệp.

e. Các trường hợp khác do hiệu trưởng quyết định.

3. Sinh viên chưa đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh cần bổ sung kiến thức bằng cách:

- Tự học nâng cao trình độ và dự kiểm tra lại theo kế hoạch của Nhà trường;
- Đăng ký học thêm học phần “Tiếng Anh tăng cường đầu ra” trên hệ thống phần mềm của nhà trường như các môn học khác và dự kiểm tra lại
- Đăng ký học nâng cao trình độ tại Trung tâm Ngoại ngữ-Tin học của trường và dự kiểm tra lại.

## **Điều 7. Công nhận tương đương**

Các chứng chỉ/chứng nhận tiếng Anh quốc gia và quốc tế được công nhận tương đương để xét miễn học, miễn thi và công nhận chuẩn đầu ra tại trường bao gồm:

1. Bằng cử nhân chuyên ngành tiếng Anh
2. Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế được cấp bởi trung tâm đại diện cho các tổ chức: ETS (Hoa Kỳ), British Council (Anh), ESOL (Anh) và IDP (Úc).
3. Chứng chỉ tiếng Anh quốc gia theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được cấp bởi các cơ sở đào tạo trong danh mục các Trường do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố

## **Điều 8. Tổ chức giảng dạy và thi các học phần tiếng Anh**

1. Học phần Tiếng Anh tăng cường đầu vào là học phần không bắt buộc trong chương trình đào tạo. Nếu sinh viên chưa đạt CTĐV có nhu cầu học, tự nguyện đăng ký trên phần mềm đào tạo hoặc đăng ký với Trung tâm Tin học – Ngoại ngữ, nhà trường sẽ tổ chức lớp học phần *Tiếng Anh tăng cường đầu vào*. Sinh viên chưa đạt CTĐV thì chưa được đăng ký học các học phần tiếng Anh cơ bản.

2. Các học phần tiếng Anh cơ bản thuộc CTĐT được tổ chức giảng dạy theo kế hoạch từng năm học và kê hoạch toàn khóa. Sinh viên chưa đạt các học phần tiếng Anh cơ bản theo CTĐT thì chưa được đăng ký thi tiếng Anh chuẩn đầu ra.

3. Học phần Tiếng Anh tăng cường đầu ra là học phần không bắt buộc. Nhà Trường tổ chức các lớp Tiếng Anh TCĐR1 cho sinh viên hệ cao đẳng, Tiếng Anh TCĐR2 và Tiếng Anh TCĐR3 cho sinh viên hệ đại học chưa đạt chuẩn tiếng Anh đầu ra, tự nguyện đăng ký học để đáp ứng yêu cầu về chuẩn trình độ đầu ra.

4. Các bài thi đánh giá năng lực đầu vào, thi hết học phần các môn Tiếng Anh cơ bản 1, 2, 3, 4 thi theo hình thức trắc nghiệm trên máy tính và được chấm theo thang điểm 10. Nội dung bao gồm các phần: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, đọc hiểu, đọc điền từ và cấu trúc câu.

- Bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu ra do trường tổ chức là bài thi trắc nghiệm kết hợp tự luận bao gồm 4 kỹ năng nghe, nói, đọc viết. Định dạng đề thi, cơ cấu, thang điểm dựa theo Quyết định số 1481/QĐ-BGDĐT ngày 10/ 05/ 2016 và Quyết định Số: 729/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 3 năm 2015 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. (Phụ lục 4.1 & 4.2)

**Chương III**  
**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 9. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong việc tổ chức dạy học môn tiếng Anh**

1. Các Phòng, Trung tâm, Khoa và Cố vấn học tập phổ biến rộng rãi quy định này đến sinh viên.
2. Phòng Đào tạo, Phòng Tài chính Kế toán, Trung tâm Khảo thí, Trung tâm Ngoại ngữ tin học, Khoa Ngoại ngữ và các đơn vị có liên quan phối hợp trong công tác tổ chức dạy học môn tiếng Anh.

**Điều 10. Xử lý vi phạm**

1. Mọi hành vi vi phạm quy chế đào tạo và quy chế thi, kiểm tra, miễn học, miễn thi tiếng Anh đều bị xử lý theo quy chế của Nhà trường và quy định của pháp luật hiện hành.
2. Sinh viên kê khai các thông tin không đúng hoặc làm giả các loại giấy tờ thi tùy theo mức độ nặng nhẹ sẽ bị đình chỉ học 1 năm, buộc thôi học hoặc giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 11. Điều khoản thi hành:**

1. Quy định áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2017 trở về sau
2. Đối với khóa tuyển sinh từ năm 2016 trở về trước: Sinh viên đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh là sinh viên có kết quả bài thi TOEIC tiếng Anh đạt từ 400 hoặc các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt tương đương bậc A2 trở lên theo khung tham chiếu châu Âu hoặc bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được cấp bởi các cơ sở đào tạo trong danh mục các Trường do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố (Phụ lục 1). Và sinh viên có kết quả xếp loại Đạt trong kỳ thi đánh giá chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương bậc 2/6 do Nhà trường tổ chức.

**Điều 12. Tổ chức thực hiện**

1. Trưởng các đơn vị có liên quan và toàn thể cán bộ, viên chức, sinh viên trong Nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.
2. Việc sửa đổi, bổ sung nội dung văn bản này do Hiệu trưởng quyết định. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị, cá nhân báo cáo bằng văn bản về Ban Giám hiệu, thông qua các đơn vị chức năng để Nhà trường kịp thời giải trình, điều chỉnh, bổ sung nội dung cho đúng quy định và phù hợp với thực tế./.

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
**PHỤ TRÁCH TRƯỜNG**

**TS. Trần Hoàng Long**



**PHỤ LỤC 1**

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU  
(để xét miễn học miễn thi và xét chuẩn đầu ra môn tiếng Anh)**

*(Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20/10/2018)*

Khung NLNN VIỆT NAM	TOEFL PBT	Chứng chỉ TOEIC <sup>(1)</sup> (Top score:990)	Chứng chỉ TOEFL iBT <sup>(2)</sup> (Top score: 120)	Chứng chỉ IELTS <sup>(3)</sup> (Top score: 9.0)	Chứng chỉ Cambridge English (Pass) (4)	ĐIỂM QUY ĐỔI				GHI CHÚ
						Anh 1	Anh 2	Anh 3	Anh 4	
Bậc 6 (C2)	600+	>_ 910	>_100	9.0 7.5	CPE	10	10	10	10	- Miễn kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào. - Miễn học, miễn thi và nhận điểm 10 tất cả các học phần Anh văn 1,2,3,4
Bậc 5 (C1)	540-577	905 850	95 80	7.0 6.5	CAE	10	10	10	10	- Công nhận đạt CTAĐR nếu ngày cấp chứng chỉ không quá 24 tháng so với ngày xét tốt nghiệp.
Bậc 4 (B2)	580-527	845 600	71 61	6.0 5.0	FCE	10	10	10	10	
Bậc 3 (B1)	460-477	595 450	53 45	4.5 4.0	PET	10	10	10	5	- Miễn kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào. - Miễn học, miễn thi và nhận điểm 10 các học phần Anh văn 1,2, 3 và nhận điểm 5 học phần Anh văn 4 (nếu có nguyện vọng) - Công nhận đạt CTAĐR với hệ ĐH nếu ngày cấp chứng chỉ không quá 24 tháng so với ngày xét tốt nghiệp.
Bậc 2 (A2)	340	445 400	33-43	3.5 3.0	KET	10	10	5		- Miễn kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào. - Miễn học, miễn thi và nhận điểm 10 các học phần Anh văn 1,2, và nhận điểm 5 học phần Anh văn 3 (nếu có nguyện vọng) - Công nhận đạt CTAĐR với hệ CĐ nếu ngày cấp chứng chỉ không quá 24 tháng so với ngày xét tốt nghiệp.

## PHỤ LỤC 2

### YÊU CẦU ĐỐI VỚI KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

(Theo Thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014)

	Các bậc	Mô tả tổng quát
Sơ cấp	Bậc 1	Có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè v.v... Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.
	Bậc 2	Có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm). Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.
Trung cấp	Bậc 3	Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.
	Bậc 4	Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.
Cao cấp	Bậc 5	Có thể hiểu và nhận biết được hàm ý của các văn bản dài với phạm vi rộng. Có thể diễn đạt trôi chảy, tức thì, không gặp khó khăn trong việc tìm từ ngữ diễn đạt. Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện được khả năng tổ chức văn bản, sử dụng tốt từ ngữ nối câu và các công cụ liên kết.
	Bậc 6	Có thể hiểu một cách dễ dàng hầu hết văn nói và viết. Có thể tóm tắt các nguồn thông tin nói hoặc viết, sắp xếp lại thông tin và trình bày lại một cách logic. Có thể diễn đạt tức thì, rất trôi chảy và chính xác, phân biệt được các ý nghĩa tinh tế khác nhau trong các tình huống phức tạp.

**PHỤ LỤC 2 : Mẫu đơn miễn học miễn thi**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**ĐƯỢC MIỄN HỌC, MIỄN THI HỌC PHẦN ANH VĂN**

*Kính gửi:* - Ban Giám hiệu Trường Đại học KT - KT Công nghiệp  
- Phòng Đào tạo, Phòng Quản lý Chất lượng, Khoa Ngoại ngữ

Tên em là: ..... Mã SV: .....  
Ngày sinh: ..... Lớp: .....  
Học phần xin miễn: ..... Số tín chỉ: .....

Căn cứ quy định kèm theo quyết định số: /QĐ-ĐHKTKTCN của Hiệu trưởng nhà trường, em nhận thấy mình đủ điều kiện để được xét miễn học, miễn thi học phần anh văn trên.

Hồ sơ gửi kèm bao gồm:

STT	Tên văn bằng, chứng chỉ	Năm cấp	Nơi cấp	Xếp loại / Kết quả	Ghi chú
1					
2					

Em xin cam đoan các thông tin trên là hoàn toàn chính xác, nếu sai sẽ chịu hình thức kỷ luật trước Nhà trường.

**Em xin trân trọng cảm ơn.**

*Xác nhận của người nhận đơn* ....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người làm đơn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**PHỤ LỤC 4.1**

**Định dạng đề thi tiếng Anh trình độ A2 kèm theo quyết định 1481/QĐ-BGDĐT ngày 10/05/2016**

<b>Kỹ năng thi</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Số câu hỏi</b>	<b>Mục đích</b>	<b>Dạng câu hỏi</b>
<b>Nghe</b>	Khoảng 25 phút (gồm 5 phút chuyển kết quả sang phiếu trả lời.)	5 phần, 25 câu, bao gồm 15 câu hỏi trắc nghiệm và 10 câu điền từ vào chỗ trống.	Kiểm tra các kỹ năng Nghe như nghe thông tin chi tiết, nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu giải thích có độ khó bậc 2	Thí sinh nghe thông báo ngắn, các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, sau đó trả lời câu hỏi trắc nghiệm và điền từ vào chỗ trống đã được in sẵn trong đề thi.
<b>Đọc</b>	40 phút, bao gồm cả thời gian chuyển kết quả sang phiếu trả lời	4 phần, 30 câu, bao gồm 15 câu hỏi nhiều lựa chọn, 8 câu ghép ứng với nội dung của các thông báo ngắn và 7 câu trả lời câu hỏi.	Kiểm tra các tiểu kỹ năng Đọc khác nhau, có độ khó bậc 2 đến bậc 3 thấp: đọc hiểu từ vựng; đọc hiểu thông tin chi tiết, đoán từ vựng trong ngữ cảnh, đọc hiểu ý chính, định vị thông tin.	Thí sinh đọc các dạng văn bản về các vấn đề khác nhau với tổng số từ dao động từ 700-750 từ, độ khó của văn bản tương đương bậc 2 đến bậc 3 mức thấp. Thí sinh lựa chọn câu trả lời đúng trong số các lựa chọn cho trước hoặc điền thông tin còn thiếu vào phiếu thông tin.
<b>Viết</b>	35 phút	3 bài viết	Kiểm tra các kỹ năng viết câu, mệnh đề đơn giản, viết ghi nhớ, tin nhắn, lời nhắn, bưu thiếp, viết và trả lời thư.	Phần 1: Thí sinh viết 5 câu hoàn chỉnh từ những cụm từ cho sẵn. Phần 2: Thí sinh viết một tin nhắn hoặc một bản ghi nhớ trong công việc theo những yêu cầu cho sẵn. Phần 3: Thí sinh viết một bức thư hoặc một bưu thiếp có liên quan đến cuộc sống hàng ngày theo những yêu cầu cho sẵn.
<b>Nói</b>	4 phần	10 phút (bao gồm 2 phút chuẩn bị)	Kiểm tra các kỹ năng Nói khác nhau: giao tiếp xã hội, duy trì và kết thúc hội thoại, trao đổi thông tin, khởi đầu, nêu ý kiến, giải thích ý kiến, gợi ý và trả lời gợi ý, miêu tả, so sánh	<b>Phần 1: Chào hỏi</b> <b>Phần 2: Tương tác xã hội</b> Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau. Thí sinh đặt tối đa 2 câu hỏi. <b>Phần 3: Miêu tả</b> Thí sinh miêu tả người, đồ vật, hoặc môi trường sống, làm việc và học tập cụ thể.

				<p><b>Phần 4: Thảo luận</b></p> <p>Thí sinh được cung cấp một ý kiến và một gọi ý liên quan đến ý kiến. Thí sinh trả lời đồng ý hoặc không đồng ý với ý kiến và gọi ý đó.</p>
--	--	--	--	---

**PHỤ LỤC 4.2: ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI B1-C1**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục đào tạo)

<b>Kỹ năng thi</b>	<b>Mục đích</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Số câu hỏi/ nhiệm vụ bài thi</b>	<b>Dạng câu hỏi/ nhiệm vụ bài thi</b>
<b>Nghe</b>	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Nghe khác nhau, có độ khó phù hợp với bậc thi 3, 4: nghe thông tin chi tiết, nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu ý kiến, mục đích của người nói và suy ra từ thông tin trong bài.	Khoảng 40 phút, bao gồm thời gian chuyển các phương án đã chọn sang phiếu trả lời.	3 phần, 35 câu hỏi nhiều lựa chọn	Thí sinh nghe các đoạn trao đổi ngắn, hướng dẫn, thông báo, các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, bài giảng, sau đó trả lời câu hỏi nhiều lựa chọn đã in sẵn trong đề thi.
<b>Đọc</b>	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Đọc khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: đọc hiểu thông tin chi tiết, đọc hiểu ý chính, đọc hiểu ý kiến, thái độ của tác giả, suy ra từ thông tin trong bài và đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.	60 phút, bao gồm thời gian chuyển các phương án đã chọn sang phiếu trả lời.	4 bài đọc, 40 câu hỏi nhiều lựa chọn	Thí sinh đọc 4 văn bản về các vấn đề khác nhau, độ khó của văn bản tương đương bậc 3-5 với tổng số từ dao động từ 1900-2050 từ. Thí sinh trả lời các câu hỏi nhiều lựa chọn sau mỗi bài đọc.
<b>Viết</b>	Kiểm tra kỹ năng Viết tương tác và Viết luận (viết sản sinh).	60 phút	2 bài viết	Bài 1: Viết một bức thư/ thư điện tử có độ dài khoảng 120 từ. Bài 1 chiếm 1/3 tổng số điểm của bài thi Viết. Bài 2: Thí sinh viết một bài luận khoảng 250 từ về một chủ đề cho sẵn, sử dụng lí do và ví dụ cụ thể để minh họa cho các lập luận. Bài 2 chiếm 2/3 tổng số điểm của bài thi Viết.
<b>Nói</b>	Kiểm tra các kỹ năng Nói khác nhau: tương tác, thảo luận và trình bày một vấn đề.	12 phút	3 phần	Phần 1: Tương tác xã hội Thí sinh trả lời 3-6 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau. Phần 2: Thảo luận giải pháp Thí sinh được cung cấp một tình huống và 3 giải pháp đề xuất. Thí sinh phải đưa ra ý kiến về giải pháp tốt nhất trong 3 giải pháp được đưa ra và phản biện các giải pháp còn lại. Phần 3: Phát triển chủ đề Thí sinh nói về một chủ đề cho sẵn, có thể sử dụng các ý được cung cấp sẵn hoặc tự phát triển ý của riêng mình. Phần 3 kết thúc với một số câu hỏi thảo luận về chủ đề trên.